

**CÔNG BỐ****GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, VẬT TƯ THIẾT BỊ TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Giá số 11/2001/QH13;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 2329/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện xác định và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét diễn biến mức giá vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị trên thị trường; trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát, xác định giá vật liệu xây dựng số 361/2024/CV-ĐTMN ngày 26/4/2024 của Công ty TNHH quản lý xây dựng và đô thị Miền Nam; Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị **Công bố giá vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tháng 4 năm 2024** như sau:

**1.** Giá vật liệu xây dựng, vật tư bình quân phổ biến tại thời điểm **tháng 4 năm 2024** có giá trị tham khảo áp dụng hoặc vận dụng cho việc xác định giá xây dựng công trình theo thời điểm cho các công trình xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, lập dự án đầu tư xây dựng cho tất cả các nguồn vốn trên địa bàn tỉnh như phụ lục 1 kèm theo.

Đối với vật liệu đất san lấp, Sở Xây dựng cung cấp thông tin về giá, địa điểm khai thác của các đơn vị tại phụ lục 2 kèm theo.

**2.** Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là giá phổ biến được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm các ưu đãi, chiết khấu,

hoa hồng (nếu có); đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển bên mua (*trừ các vật liệu có ghi chú khác*). Các công trình xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh được tính cước vận chuyển vật liệu từ nơi cung ứng gần nhất đến địa điểm xây dựng công trình, nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt và đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết kiệm ngân sách.

**3.** Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn khi sử dụng thông tin tại công bố giá này để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng sử dụng vật liệu, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

**4.** Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định và quản lý giá xây dựng theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

**5.** Công trình có tính đặc thù do Nhà nước định giá riêng thì không áp dụng mức giá tại Công bố này.

Trường hợp giá vật liệu xây dựng theo công bố giá không phù hợp với mặt bằng thị trường tại nơi xây dựng công trình hoặc không có trong công bố giá của Sở Xây dựng thì giá của các loại vật liệu được xác định dựa trên cơ sở lựa chọn mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu hoặc tham khảo giá của các loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã và đang được sử dụng ở công trình khác.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ Sở Xây dựng để kịp thời giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGD Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, VP, QLXD, HTKT, QHKT, T.Tra.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Văn Thắng**

